

Số: 2.568/TB-ĐHLĐXH

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2019

THÔNG BÁO
Về tiêu chí xét tuyển nghiên cứu sinh năm 2019

Điểm đánh giá thí sinh chấm trên thang điểm 100, điểm lẻ đến 0,25.

TT	Nội dung và tiêu chí đánh giá	Thang điểm	Điểm đánh giá
I	Phần I. Đánh giá hồ sơ dự tuyển: Tối đa 45 điểm		
1	Kết quả học tập: Tối đa 10 điểm		
	Bậc thạc sĩ:		
	Chuyên ngành đào tạo		
	- Đúng chuyên ngành dự tuyển	2	
	- Ngành gần, phù hợp với chuyên ngành dự tuyển	1,5	
	Điểm trung bình chung:		
	- Xuất sắc, giỏi (từ 8,0 trở lên)	2	
	- Khá (từ 7,0 đến dưới 8,0)	1,5	
	- Trung bình (từ 5,0 đến dưới 7,0)	1	
	Điểm luận văn thạc sĩ:		
	- Xuất sắc, giỏi (từ 8,0 trở lên)	2	
	- Khá (từ 7,0 đến dưới 8,0)	1,5	
	- Trung bình (từ 5,0 đến dưới 7,0)	1	
	Bậc đại học:		
	Chuyên ngành đào tạo		
	- Đúng chuyên ngành dự tuyển	2	
	- Ngành gần với chuyên ngành dự tuyển	1,5	
	Điểm trung bình chung toàn khóa:		
	- Xuất sắc, giỏi (từ 8,0 trở lên)	2	
	- Khá (từ 7,0 đến dưới 8,0)	1,5	
	- Trung bình (từ 5,0 đến dưới 7,0)	1	
	Tổng 1		/10
2	Năng lực ngoại ngữ: Tối đa 10 điểm		
	- Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo hoàn toàn ở nước ngoài.	10	
	- Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.	9	
	- Tiếng Anh: chứng chỉ TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS từ 5.0 trở lên; hoặc chứng chỉ Cambridge examination: CAE 45-59, PET Pass with Distinction. - Tiếng Pháp: Chứng chỉ CIEP/Alliance française diplomas trình độ TCF B	8	

TT	Nội dung và tiêu chí đánh giá	Thang điểm	Điểm đánh giá
	<p>hoặc DELF B2 hoặc Diplôme de Langue.</p> <p>- Tiếng Đức: Chứng chỉ Goethe –Institut trình độ Goethe- Zertifikat B2, Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB) hoặc chứng chỉ TestDaF trình độ TDN3- TDN4.</p> <p>- Tiếng Trung: chứng chỉ Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK) trình độ HSK level 6</p> <p>- Tiếng Nhật: Chứng chỉ Japanese Language Proficiency Test (JLPT) trình độ N2</p> <p>- Tiếng Nga: Chứng chỉ ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language) trình độ ТРКИ-2</p>		
<i>Trường hợp tổng điểm trình độ ngoại ngữ vượt quá 10 điểm, người chấm đưa về mức tối đa 10 điểm.</i>			
	Tổng 2		/10
3	Kinh nghiệm nghiên cứu khoa học: Tối đa 15 điểm		
3.1	Công trình khoa học chấm điểm theo quy định		
	01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển.	10	
3.2	Công trình khoa học chấm điểm thưởng		
	Bài báo khoa học:		
	01 bài đăng trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI - Scopus	6	
	01 bài đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành nước ngoài	4	
	01 bài được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập, được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước tính điểm các bài báo	3	
	01 bài đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước có chỉ số ISSN	2	
	Tham gia đề tài nghiên cứu (đã nghiệm thu):		
	Thành viên Ban chủ nhiệm chương trình, đề tài cấp nhà nước	4	
	Chủ nhiệm, Thư ký đề tài cấp bộ/tỉnh/thành phố, đề tài nhánh của đề tài, chương trình cấp Nhà nước	3	
	Tham gia đề tài cấp bộ/tỉnh/thành phố, đề tài nhánh của đề tài, chương trình cấp nhà nước	2	
	Chủ nhiệm, Thư ký đề tài cấp cơ sở	1,5	
	Báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế được đăng trong Kỷ yếu hội thảo	2	
<i>Người chấm căn cứ số bài báo, số công trình... để tính tổng điểm đánh giá kinh nghiệm nghiên cứu khoa học. Trường hợp tổng điểm đánh giá kinh nghiệm nghiên cứu khoa học vượt quá 15 điểm, người chấm đưa về mức tối đa 15 điểm.</i>			
	Tổng 3		/15
4	Thâm niên công tác: Tối đa 5 điểm		

TT	Nội dung và tiêu chí đánh giá	Thang điểm	Điểm đánh giá
	- Thời gian công tác từ 10 năm trở lên	5	
	- Thời gian công tác từ 5 năm đến 10 năm	4	
	- Thời gian công tác từ 1 năm đến 5 năm	3	
	Tổng 4		/5
5	Thư giới thiệu: tối đa 5 điểm		
	Phẩm chất nghề nghiệp	1,5	
	Năng lực hoạt động chuyên môn	2,0	
	Khả năng nghiên cứu	1,5	
	Tổng 5		/5
	Tổng điểm phần I: (Tổng 1 + Tổng 2 + Tổng 3 + Tổng 4 + Tổng 5)		/45
II	Phần II. Đánh giá đề cương nghiên cứu: tối đa 55 điểm		
1	Nội dung chi tiết đề cương nghiên cứu	18	
2	Lý do lựa chọn đề tài	5	
3	Tổng quan nghiên cứu	18	
4	Phương pháp nghiên cứu	10	
5	Kế hoạch thực hiện đề tài	4	
	Tổng điểm phần II		/55
	Tổng điểm đánh giá (phần I + phần II)		/100

Nguyên tắc xét tuyển:

1. Chỉ xét hồ sơ hợp lệ theo quy định của Trường.
2. Tổng điểm đánh giá (phần I+ phần II) phải ≥ 50 điểm, trong đó: Phần II phải ≥ 30 điểm mới đạt điểm xét tuyển.
3. Lấy từ cao xuống thấp trong số các hồ sơ hợp lệ và đạt điểm xét tuyển cho đến hết chỉ tiêu.
4. Trong trường hợp các thí sinh có cùng tổng điểm đánh giá (phần I+ phần II) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:
 - + Thí sinh là nữ (ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới);
 - + Thí sinh có tổng điểm phần II cao hơn;
 - + Trong trường hợp thí sinh có tổng điểm phần II bằng nhau (Tổng điểm phần I cũng bằng nhau), thứ tự ưu tiên như sau:
 - Thí sinh có điểm kinh nghiệm NCKH cao hơn (tính cả phần điểm vượt).
 - Thí sinh có điểm năng lực ngoại ngữ cao hơn (tính cả phần điểm vượt).

Nơi nhận:

- HĐTSTS2019;
- Các thí sinh dự tuyển;
- Lưu: VT, K.SDH.

